

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Nhất
2. Ông Lê Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXX-ST ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Bá H, sinh năm 1988 (có mặt)
ĐKNKTT: Thôn T, xã Bình, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt có lý do)
ĐKNKTT: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang tạm trú tại: Số 34 Nguyễn Văn A, phường B1, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Bá H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/02/2012. Sau khi cưới anh đi làm trong Nam, chị L ở nhà cùng bố mẹ chồng, mặc dù đi làm xa nhưng mỗi năm anh vẫn sắp xếp về với gia đình hai lần. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống không hòa hợp. Tuy sống cùng với bố mẹ anh nhưng chị L không yêu thương, không tôn trọng bố mẹ anh. Sau khi phát sinh mâu thuẫn chị L bỏ nhà đi vào trong tỉnh Bình Dương sinh sống. Mặc dù vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Năm 2016 anh làm đơn ra Tòa án huyện Nông Cống xin ly hôn chị L, nhưng sau anh nghĩ vẫn còn dành tình cảm cho vợ nên anh rút đơn khỏi kiện và cũng tạo cơ hội cho chị L thay đổi, vợ chồng quay về chung sống đoàn tụ. Nhưng sau khi rút đơn về cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Tháng 02/2017 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị L sinh sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương, anh làm việc tại Sài Gòn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con: Anh và chị L có 01 con chung là Phạm Thị Khánh H2, sinh ngày 02/7/2012. Hiện nay con đang ở cùng chị L. Khi ly hôn anh thống nhất để chị L trực tiếp nuôi con và anh không cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Tại Biên bản lấy lời khai; đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 31/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương chị Nguyễn Thị L khai:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Bá H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/02/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì xảy ra. Nguyên nhân anh H nộp đơn lên Tòa án xin ly hôn là do vợ chồng không có con trai, chỉ có một con gái mà chị lại hết tuổi sinh đẻ, gia đình nhà anh H muốn ly hôn để anh H lấy vợ khác. Ngoài ra anh H còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị xác định chị vẫn còn yêu thương chồng, muốn xây dựng gia đình hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn.

Về con: Chị và anh Hồng có 01 con chung là Phạm Thị Khánh H2, sinh ngày 02/7/2012. Hiện nay con đang ở cùng chị, nếu Tòa án giải quyết cho anh H ly hôn thì chị xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX cho anh H được ly hôn chị L. Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Khánh H2, anh H là người khuyết tật không phải cấp dưỡng nuôi con, về án phí đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí DSST cho anh H.

Tại phiên tòa: Anh H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị L, giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

400.000đ/tháng thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2020 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động; về tài sản và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Phát biểu của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng quy định pháp luật tại Điều 48 và Điều 49 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, khoản 1 Điều 228 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Bá H được ly hôn với chị Nguyễn Thị L; về con: Giao cho chị L trực tiếp dưỡng trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H mỗi tháng anh H cấp dưỡng nuôi con 400.000đ từ thời điểm xét xử đến khi con chung thành niên, về án phí: anh H là người khuyết tật nên được miễn án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh Phạm Bá Hồng xin ly hôn chị Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Nông Cống theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS. Về phía chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

2. Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Bá H và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/02/2012 là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khi xảy ra mâu thuẫn, hai bên không tìm biện pháp để giải quyết, hòa giải dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Hạnh phúc gia đình dựa trên nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng anh H và chị L không làm được điều đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình ngày thêm trầm trọng và không thể hàn gắn được tình cảm. Năm 2016 anh H, chị L đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án huyện Nông Cống, được Tòa án hòa giải, anh L rút đơn, vợ chồng quay về chung sống đến tháng 02 năm 2017 anh chị tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xin ly hôn Chị L không đồng ý nhưng qua trình giải quyết vụ án đã nhiều lần Tòa án triệu tập hai bên đương sự để hòa giải nhưng chị L không có mặt

nên không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh H xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Sau khi xem xét tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của nguyên đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và quan điểm của đại diện VKS; HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị L đã kéo dài nhiều năm, cả hai bên không có giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, mà có ý bỏ mặc. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xác định anh H, chị L có một con chung Phạm Thị Khánh H2, sinh ngày 02/7/2012, hiện nay con ở với chị L, ly hôn cả hai bên đều thống nhất để chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là chính đáng, nhưng mức yêu cầu cấp dưỡng là cao so với điều kiện, khả năng của anh H vì anh H là người khuyết tật đang được hưởng trợ cấp hàng tháng của Nhà nước. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H trình bày ngoài mức trợ cấp của Nhà nước mỗi tháng trên 400.000đ, anh còn bán tằm và vé số thu nhập bình quân trên tháng khoảng từ 2.300.000đ đến 2.500.000đ nên anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L mỗi tháng 400.000đ đến khi con thành niên và có khả năng lao động. HĐXX thấy ý kiến tự nguyện về cấp dưỡng nuôi con của anh H là phù hợp nên ghi nhận.

Về tài sản và nợ chung: Anh Phạm Bá H và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không xét.

3. Về án phí: Anh Phạm Bá H là người khuyết tật thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Bá H:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Bá H được ly hôn chị Nguyễn Thị L.
- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Khánh H2, sinh ngày 02/7/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 400.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2020 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Anh Phạm Bá H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Phạm Bá H được miễn nộp tòa bộ tiền án phí DSST.

- Quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS h. Nông Cống;
- UBND xã B, h. N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tình